

Bản án số: 90/2023/DS -ST
Ngày: 27 - 4 - 2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp họ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn.

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Trần Thuý An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2022/TLST - DS, ngày 28 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng góp họ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐST-DS, ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn:

1. Bà Phan Thị Ng, sinh năm 1970;

2. Ông Nguyễn Tân H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp VĐ, xã Ng Th, huyện GR, tỉnh KG

- Bị đơn:

1. Bà Phan Thị M, sinh năm 1966;

2. Ông Huỳnh Văn Ch, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp VĐ, xã Ng Th, huyện GR, tỉnh KG

- Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị Kh, sinh năm 1981.

2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1969.

Cùng cư trú tại: Ấp VĐ, xã Ng Th, huyện GR, tỉnh KG
(Ông H, bà Ng, bà T, bà Kh có mặt, ông Ch, bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Tân H, bà Phan Thi Ng trình bày: Vào ngày 10/01/2021, vợ chồng ông bà làm chủ đây hội 1.000.000 đồng/01 tháng, gồm có 16 hội viên, mỗi tháng mở hội 01 lần, đến ngày 10/4/2022 mãn hội. Trong phần hội này vợ chồng ông Ch, bà M tham gia 02 phần. Lần hội mở đầu tiên là ngày 10/01/2021, bà Tư Đang là người lĩnh hội, tiếp theo đến ngày 10/02/2021, vợ chồng ông Ch, bà M lĩnh lần 2 và tiếp đến ngày 10/3/2021 vợ chồng bà M tiếp tục lĩnh phần hội còn lại cũng là lần hội thứ 3. Sau khi hết hội vợ chồng ông Ch, bà M đóng hội chết đến tháng 3/2022, thì ngưng không đóng hội tiếp. Trong khi hội đến ngày 10/4/2022 mới mãn hội, nhưng vợ chồng ông Ch bà M cho rằng theo giấy hội thì hội đến tháng 02/2022 là mãn hội, vợ chồng ông bà đã đóng dư nên không đồng ý đóng tiếp phần hội còn lại. Ngoài phần hội trên vợ chồng ông Ch, bà M còn nợ vợ chồng bà số tiền 2.000.000 đồng. Tổng cộng ông Ch, bà M phải đóng hội cho vợ chồng ông bà là 4.000.000 đồng. Ông bà đã bỏ tiền ra giao cho các hội viên nên nay vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu ông Ch, bà M phải trả lại số tiền hội trên và lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tính từ ngày 15/4/2022 cho đến ngày xét xử.

Vợ chồng ông bà xác định giấy hội đề ngày 10/11/2020 là vợ chồng ông bà giao cho vợ chồng ông Ch, bà M để theo dõi hội hàng tháng, nhưng thực tế hội được mở ngày 10/01/2021, do vợ chồng bà nhờ người đánh máy nhầm lẫn sai ngày tháng năm mở hội, chứ thực tế hội mở ngày 10/01/2021 và được các hội viên xác nhận từng người lĩnh hội vào tháng năm nào. Nên ông bà khẳng định hội được mở ngày 10/01/2021. Nếu vợ chồng ông Ch bà M cho rằng hội khai ngày 10/11/2020, vậy tại sao vào tháng 12/2020, không có hội viên nào lĩnh hội vào tháng này.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/8/2022 bị đơn ông Huỳnh Văn Ch, bà Phan Thị M trình bày: Ông Ch, bà M thừa nhận có tham gia hội của bà Ng làm chủ hội, số tiền hội và hội viên tham gia, hội viên hết đầu tiên như bà Ng trình bày là đúng. Tuy nhiên, về ngày tháng năm mở hội và hội viên hết Ch bà Ng trình bày là không đúng. Hội mở ngày 10/11/2020 theo giấy hội bà Ng giao cho vợ chồng ông bà, người hết Ch là bà Út Hương. Khi tham gia chơi vợ chồng bà đã đóng hội chết đến tháng 3/2022, thì mới phát hiện đã đóng hội dư 01 tháng của 02 chân hội là 2.000.000 đồng. Bởi theo giấy hội của bà Ng giao thì vào tháng 02/2022, hội đã mãn, mà vợ chồng ông bà đã đóng đến tháng 3/2022, nên dư 2.000.000 đồng.

Ngoài chân hụi nêu trên thì vợ chồng ông bà có tham gia hụi do bà Ng làm chủ và hiện tại vẫn còn nợ bà Ng 2.000.000 đồng nhưng do vợ chồng ông bà đã đóng hụi dư cho vợ chồng bà Ng 2.000.000 đồng, nên cân trừ thì vợ chồng ông bà không còn nợ vợ chồng bà Ng tiền hụi nào. Nay bà vợ chồng bà Ng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả số tiền hụi còn nợ là 4.000.000 đồng ông bà không đồng ý. Vì dựa vào giấy hụi bà Ng đã đưa cho vợ chồng ông bà đã đóng dư và hụi đã mãn. Nên vợ chồng ông bà không đồng ý theo yêu cầu của vợ chồng bà Ng.

Người làm chứng chị Phạm Thị T trình bày: Chị T xác định không có mối quan hệ bà con thân thích và cũng không có mâu thuẫn gì với nguyên đơn cũng như bị đơn. Chị xác định chị có tham gia hụi do bà Ng là chủ, theo giấy hụi chị tham gia để tên là “Liệt”, hụi được mở vào ngày 10/01/2021, bà Ng có giao giấy hụi cho các hụi viên theo dõi, nhưng trên giấy hụi đề ngày 10/11/2020, chị cũng không hay biết, mãi khi bà M, ông Ch tranh chấp với vợ chồng Ng thì chị mới phát hiện là giấy hụi ghi nhầm ngày tháng năm mở hụi. Thực tế hụi mở ngày 10/01/2021, phần hụi này chị đã lĩnh hụi xong và đóng hụi chết đến ngày 10/4/2022, người lĩnh hụi Ch bà chị Kh. Việc các bên tranh chấp chị không có ý kiến gì, NH chị khẳng định hụi được mở ngày 10/01/2021 và đến ngày 10/4/2022 mãn hụi.

Người làm chứng chị Lê Thị Kh trình bày: Chị Kh xác định không có mối quan hệ bà con thân thích và cũng không có mâu thuẫn gì với nguyên đơn cũng như bị đơn. Chị xác định chị có tham gia hụi do bà Ng là chủ, theo giấy hụi bà tham gia để tên là “Vợ Hiếu; Thúy; Trang Đài”, hụi được mở vào ngày 10/01/2021, bà Ng có giao giấy hụi cho các hụi viên theo dõi, NH trên giấy hụi đề ngày 10/11/2020, chị cũng không hay biết, mãi khi bà M, ông Ch tranh chấp với vợ chồng Ng thì chị mới phát hiện là giấy hụi ghi nhầm ngày tháng năm mở hụi. Thực tế hụi mở ngày 10/01/2021, phần hụi này chị là người lĩnh hụi cuối cùng vào ngày 10/4/2022, bà Ng đã giao đủ tiền hụi cho chị nên việc các bên tranh chấp chị không có ý kiến, NH chị khẳng định hụi được mở ngày 10/01/2021 và đến ngày 10/4/2022 mãn hụi và cũng là người lĩnh hụi cuối.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại một phần không yêu cầu tính lãi suất của số nợ hụi trên.

Bị đơn đơn không tham gia phiên tòa, cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng nào mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đình một phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tân H, bà Phan Thi Ng yêu cầu ông Huỳnh Văn Ch, bà Phan Thị M (Phạm Thị M) phải trả số tiền hui còn nợ là 4.000.000 đồng. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Huỳnh Văn Ch, bà Phạm Thị M có địa chỉ cư trú tại Ấp VĐ, xã Ng Th, huyện GR, tỉnh KG Căn cứ tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, ông H, bà Ng khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng là phù hợp với quy định.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất số hui viên tham gia; số tiền hui; người lĩnh hui đầu tiên và hiện tại bị đơn còn nợ một phần hui khác là 2.000.000 đồng là đúng. Nguyên đơn và bị đơn bên không thống nhất ngày mở hui và hui viên lĩnh hui cuối. Theo nguyên đơn hui mở ngày 10/01/2021 và đến ngày 10/4/2022 mãn hui, người lĩnh hui cuối là bà Lê Thị Kh. Bị đơn cho rằng theo giấy hui mở ngày 10/11/2020 và đến ngày 10/02/2021 mãn hui và người lĩnh hui cuối là bà Út Hương. Hội đồng xét xử xét thấy, theo các nhân chứng cùng là hui viên tham gia hui bà Trương Thị Ánh; Trần Thị Tám; Lê Thị Kh; Phạm Thị T đều xác nhận hui được mở vào ngày 10/01/2021 và đến ngày 10/4/2022 mãn hui. Cũng như theo giấy hui viên tham gia có xác nhận của ấp Dân Quân và ấp Vinh Đông ngày 31/07/2022; xác nhận của UBND xã Ngọc Thuận ngày 01/8/2022 có các hui viên xác nhận ngày tháng năm lĩnh hui là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

[4] Xét lời trình bày của bị đơn ông Ch, bà M cho rằng theo giấy hội mở ngày 10/11/2020 đến ngày 10/02/2022 thì mãn hội. Trong đó vợ chồng ông Ch, bà M xác định đã đóng hội đến tháng 3/2022 là dư so với giấy hội nguyên đơn đã giao cho vợ chồng ông bà, nên ông bà cần trừ qua phần nợ hội 2.000.000 đồng, vợ chồng ông bà không còn nợ tiền của nguyên đơn là không phù hợp với thực tế. Bởi theo bị đơn cho rằng khi tham gia hội nguyên đơn là chủ hội có giao giấy hội để các hội viên theo dõi phần hội mình tham gia. Trong khi nếu bị đơn cho rằng theo giấy hội nguyên đơn đã giao thì đến tháng 02/2022 mãn hội, thì bị đơn phải biết mình không có trách nhiệm phải đóng hội đến tháng 3/2022. Ở đây bị đơn đã đồng ý đóng hội đến tháng 03/2022 của 02 chân hội đã hết rồi (hội chết) việc này cũng phù hợp với những hội viên khác đã tham gia và họ cũng đã đóng hội chết đến tháng 4/2022. Trong phần nợ này bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn 2.000.000 đồng, NH do bị đơn đã đóng hội dư cho nguyên nên bị đơn tự khấu trừ qua phần nợ này là không có căn cứ. Bởi theo nguyên tắc Tòa án chỉ thụ lý giải quyết khi có đơn khởi kiện và nộp tạm ứng án phí theo quy định. Nhưng bị đơn không có yêu cầu và trong quá trình tố tụng bị đơn không phối hợp cùng Tòa án để được hướng dẫn theo quy định nên lời trình bày của bị đơn không có căn cứ để xem xét.

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của Đại diện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi suất do nguyên đơn đã rút yêu cầu.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu khởi kiện của ông H, bà Ng được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Tân H, bà Phan Thị Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0008528, ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Huỳnh Văn Ch, bà Phạm Thị M (Phan Thị M) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm từ 6.000.000 đồng trở xuống là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị M Nhiên